

VIỆC LÀM CỦA LAO ĐỘNG NÔNG THÔN SAU THU HỒI ĐẤT Ở THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI

Ths. Đặng Trung Kiên

Trường Trung cấp Kinh tế Quảng Bình

PGS.TS. Phùng Thị Hồng Hà

Trường Đại học Kinh tế Huế

Trong những năm 2007- 2011, thành phố Đồng Hới đã tiến hành thu hồi trên 300 ha đất để phục vụ cho việc phát triển du lịch, mở rộng thành phố và xây dựng cơ sở hạ tầng. Điều này đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động từ thuần nông sang các ngành nghề, dịch vụ; thu nhập của một bộ phận lao động chuyển đổi ngành nghề tăng. Tuy nhiên, mặt trái của nó là tỷ lệ thất nghiệp tăng, thu nhập của lao động nông nghiệp giảm, tỷ lệ lao động có thu nhập thấp vẫn còn cao. Mặc dù có nhiều cố gắng trong việc đào tạo nghề, xuất khẩu lao động, phát triển kinh tế địa phương nhưng mức độ giải quyết việc làm của chính quyền địa phương cho các đối tượng trên còn hạn chế. Xuất phát từ đó, bài viết đã đề xuất một số giải pháp nhằm tạo nhiều việc làm cho các lao động bị thu hồi đất.

Từ khóa: việc làm nông thôn, đào tạo nghề lao động nông thôn, thành phố Đồng Hới

1. Đặt vấn đề

Để thực hiện mục tiêu đưa thành phố Đồng Hới lên đô thị loại II, từ năm 2000 đến nay, trên 300 trăm ha đất nông nghiệp, lâm nghiệp- nuôi trồng thủy sản trên địa bàn thành phố bị thu hồi phục vụ cho việc mở rộng thành phố. Việc thu hồi đất nói trên đã ảnh hưởng đến việc làm và thu nhập của lao động nông thôn, những người trực tiếp bị thu hồi đất. Trong khi đó, công tác giải quyết việc làm cho lao động bị thu hồi đất chưa được quan tâm đúng mức.

Thực trạng trên đặt ra một nhu cầu cấp bách là cần thiết phải có một nghiên cứu, khảo sát để đánh giá mức độ và các nhân tố ảnh hưởng đến vấn đề việc làm của người lao động bị thu hồi đất cho quá trình đô thị hóa ở thành phố Đồng Hới.

Xuất phát từ thực tế trên, nhóm tác giả đã tiến hành nghiên cứu đề tài: **“Việc làm của lao động nông thôn bị thu hồi đất ở thành phố Đồng Hới”**.

Mục tiêu của bài viết là đánh giá thực trạng và các nhân tố ảnh hưởng đến việc làm và thu nhập của lao động bị thu hồi đất trên địa bàn thành phố; đề xuất các giải pháp nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập cho các đối tượng trên.

Phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng trong đề tài là phương pháp điều tra, phỏng vấn trực tiếp 145 hộ gia đình ở 5 xã phường là xã Bảo Ninh, phường Đồng Sơn, Đồng Phú, Phú Hải, Đức Ninh Đông nhằm thu thập các thông tin về tình hình việc

làm của lao động trước và sau thu hồi đất. Các hộ trên được phân làm 3 nhóm: Nhóm I: thu hồi <50% diện tích của hộ; nhóm II: thu hồi từ 50% - 70%; nhóm III: thu hồi > 70%;

Phỏng vấn trực tiếp các cán bộ của UBND các xã, phường điều tra, các cơ sở dạy nghề để thu thập các thông tin liên quan đến vấn đề thu hồi đất và các chính sách giải quyết việc làm; phương pháp phân tổ thống kê để đánh giá mức độ thu hồi đất và ảnh hưởng của nó đến việc làm và thu nhập của người lao động. Ngoài các phương pháp chính trên, đề tài còn sử dụng phương pháp phân tích kinh tế và một số phương pháp khác.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Tình hình thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đồng Hới

Trong giai đoạn 2007- 2011, theo kết quả thống kê, toàn thành phố thu hồi 312,4 ha đất. Trong đó, đất nông nghiệp 190,98 ha chiếm 61,13% tổng diện tích đất bị thu hồi; đất lâm nghiệp 112,98 ha, chiếm 36,17%; đất nuôi trồng thủy sản là 8,45 ha. Số diện tích bị thu hồi trên nhằm phục vụ cho việc phát triển du lịch, mở rộng thành phố và xây dựng cơ sở hạ tầng. Các xã, phường có diện tích đất thu hồi lớn là phường Đồng Sơn (95,03 ha chiếm 30,42% tổng diện tích đất thu hồi); phường Đức Ninh Đông (46,77 ha); xã Bảo Ninh (46,02 ha); Phường Phú Hải (25 ha) và Phường Đồng Phú (21,28 ha). Diện

tích đất bị thu hồi của các xã chiếm 75% diện tích đất thu hồi của toàn thành phố.

Số hộ bị thu hồi đất ở các xã phường điều tra là 468 hộ, chiếm 4,47% tổng số hộ trên địa bàn. Trong đó, phường Đức Ninh Đông và phường Đồng Sơn có số hộ bị thu hồi nhiều nhất (8,63% và 5,63%). Theo ngành nghề, hộ thuần nông bị thu hồi đất nhiều nhất (302 hộ), nông nghiệp kiêm ngành nghề (96 hộ) và ngành nghề (70 hộ).

Bình quân mỗi hộ bị thu hồi 1102 m² đất, chiếm tỷ lệ 55,3% tổng diện tích đất hiện có của hộ. Trong đó, hộ có diện tích bị thu hồi lớn nhất là 1660 m², ít nhất là 680 m².

Việc thu hồi đất nông nghiệp cho xây dựng các công trình hạ tầng và phát triển các khu du lịch của thành phố Đồng Hới trong thời gian qua đã tác động rất lớn đến việc làm, điều kiện sống và thu nhập của nhiều nông hộ. Theo số liệu thống kê của 5 xã điều tra, tỷ lệ lao động không có việc làm có xu hướng tăng. Trong đó, cao nhất là xã Bảo Ninh có 2.397 người chiếm tỷ lệ 47,06% tổng số lao động của toàn xã.

2.2. Tình hình việc làm và thu nhập của lao động trước và sau thu hồi đất

Để thấy rõ hơn mức độ ảnh hưởng của việc thu hồi đất đến vấn đề việc làm của lao động bị thu hồi đất, chúng tôi đã tiến hành điều tra 145 hộ. Kết quả điều tra điều tra cho thấy:

Tỷ lệ lao động có việc làm sau thu hồi đất có xu hướng giảm xuống. Trước thu hồi đất, lao động có việc làm chiếm tỷ lệ 95,2%, sau thu hồi đất là 88,5%. Ngược lại, lao động không có việc làm có xu hướng tăng lên từ 4,8% lên 11,5%. Như vậy, thu hồi đất nông nghiệp đã làm tăng tỷ lệ thất nghiệp.

Xét theo cơ cấu ngành nghề: Trước thu hồi đất, lao động thuần nông chiếm 81%, lao động phi nông

ng nghiệp chiếm 19%. Tuy nhiên, sau thu hồi đất tỷ lệ lao động thuần nông giảm xuống chỉ còn 39,3%; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp tăng nhanh. Đặc biệt là thợ kỹ thuật và lao động tham gia vào lĩnh vực thương mại, dịch vụ tăng từ 6% lên 33%. Đối với lao động là công nhân và các lao động khác có tăng lên sau thu hồi đất nhưng tỷ lệ tăng không đáng kể, từ 0,63% lên 4,43% và 5,69% đến 6,96%. Vấn đề then chốt ở đây là do trình độ chuyên môn, công tác đào tạo nghề còn chậm trễ đã ảnh hưởng đến công việc của họ. Như vậy, thu hồi đất đã thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu việc làm từ nông nghiệp sang các ngành phi nông nghiệp.

Về mức độ ổn định của việc làm sau thu hồi đất: theo kết quả phỏng vấn của các hộ điều tra, có 58,62% ý kiến của người lao động cho rằng việc làm của họ không ổn định. Nguyên nhân là do những công việc mà lao động tìm được phần lớn là những công việc đòi hỏi vốn đầu tư thấp, trình độ kỹ thuật đơn giản như: thợ nề, thợ may, sửa chữa xe máy, bán thức ăn đường phố, buôn bán nhỏ... nằm ở khu vực phi chính thức. Vì thế khả năng tham gia của lao động vào thị trường này là rất lớn, mức độ cạnh tranh cao.

Cùng với sự biến đổi về việc làm, thời gian làm việc của lao động cũng có sự thay đổi. Tính chung cho tất cả lao động điều tra, thời gian làm việc bình quân của 1 lao động trong năm có xu hướng tăng từ 168 ngày – công lên 191 ngày – công/năm. Nhờ đó mà tỷ suất sử dụng thời gian làm việc tăng từ 64,6% lên 73,5%. Điều đó cho thấy, mặt tích cực của vấn đề thu hồi đất là buộc người lao động phải tự tìm kiếm việc làm để cải thiện thu nhập.

Tuy nhiên, nhận xét trên chỉ đúng với lao động phi nông nghiệp. Đối với lao động nông nghiệp, việc thu hồi đất có ảnh hưởng lớn đến thời gian làm việc của họ. Số liệu điều tra cho thấy, trước thu hồi

Bảng 1: Việc làm của lao động trước và sau thu hồi đất

Thời điểm	Nhóm hộ	Tổng số (người)	Nông dân		Công nhân		Thợ kỹ thuật		Thương mại dịch vụ		Khác		Thất nghiệp	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Trước thu hồi	I	173	135	78,0	6	3,47	4	2,3	9	5,2	11	6,3	8	4,6
	II	190	157	82,6	4	2,11	4	2,1	5	2,6	12	6,32	8	4,2
	III	158	130	82,3	1	0,63	4	2,5	5	3,1	9	5,69	9	5,7
	BQC	521	422	81,0	11	2,12	12	2,3	19	3,6	32	6,14	25	4,8
Sau thu hồi	I	173	70	40,4	19	10,9	23	13,3	32	18,5	12	6,94	17	9,8
	II	190	82	43,2	12	6,32	25	13,2	38	20,0	14	7,36	19	10,0
	III	158	53	33,5	7	4,43	24	15,2	39	24,7	11	6,96	24	15,2
	BQC	521	205	39,3	38	7,29	72	13,8	109	20,9	37	7,10	60	11,5

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2011

Bảng 2: Biến đổi thời gian làm việc của lao động điều tra

Nhóm hộ	Trước thu hồi đất				Sau thu hồi đất			
	Số lao động		Ngày LV bq	Tỷ suất sử dụng tg (%)	Số lao động		Ngày LV bq	Tỷ suất sử dụng tg (%)
	SL	%	(ngày)		SL	%	(ngày)	
Tính chung cho các đối tượng điều tra								
I	173	33,2	165	63,5	173	33,2	189	72,7
II	190	36,5	166	63,8	190	36,5	191	73,5
III	158	30,3	176	67,7	158	30,3	194	74,6
BQ/ cộng	521	100	168	64,6	521	100	191	73,5
Tính cho lao động thuần nông								
I	135	32,0	159	61,2	70	34,1	145	55,8
II	157	37,2	160	61,5	82	40,0	156	60,0
III	130	30,8	173	66,5	53	25,9	155	59,6
BQ/ cộng	422	100	164	63,1	205	100	152	58,5

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2011

đất, bình quân một lao động nông nghiệp làm được 164 ngày-công, sau thu hồi đất thời gian làm việc chỉ còn 152 ngày. Trong các nhóm hộ, nhóm III bị ảnh hưởng nhiều nhất, số công lao động giảm từ 173 ngày xuống còn 155 ngày/năm. Sở dĩ như vậy là vì nhóm III có tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi nhiều nhất (3,11 sào/hộ), số diện tích đất nông nghiệp còn lại rất ít (0,54 sào/hộ).

Như vậy, thu hồi đất đã có tác động đến sử dụng thời gian làm việc của lao động theo hướng giảm thời gian làm việc đối với lao động nông nghiệp và tăng thời gian làm việc đối với lao động phi nông nghiệp.

Sự thay đổi ngành nghề và thời gian làm việc có ảnh hưởng không nhỏ đối với thu nhập của lao động bị thu hồi đất. Thống kê kết quả điều tra cho thấy: trước khi thu hồi đất, thu nhập bình quân 1 lao động là 12.341 nghìn đồng, sau thu hồi đất đã tăng lên 17.778 nghìn đồng. Tuy nhiên, điều này chỉ đúng với lao động phi nông nghiệp và lao động nông nghiệp chuyển đổi sang các ngành nghề kinh doanh khác. Đối với lao động nông nghiệp không có khả năng chuyển sang nghề khác (chiếm gần 40% số lao động điều tra), thu nhập của họ lại có xu hướng giảm từ 8.007 nghìn đồng xuống còn 7.317 nghìn đồng.

Kết quả phân tổ theo mức thu nhập của các đối tượng điều tra cho thấy, có 41,84% số lao động có mức thu nhập dưới 10 triệu đồng, 20,15% số lao động có mức thu nhập từ 10– 20 triệu; số có thu nhập trên 40 triệu/năm (bình quân 50 triệu/năm) chỉ

chiếm 5,57%.

Những số liệu trên cho thấy, mặc dù thu nhập của lao động bị thu hồi đất có xu hướng cải thiện nhưng mức thu nhập bình quân quá thấp so với mặt bằng chung của tỉnh. Trong đó, tỷ lệ số hộ có mức thu nhập tương đương với mức thu nhập của hộ nghèo (theo tiêu chuẩn mới năm 2011 là 4,8 tr/người/năm) còn rất cao.

2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc làm và thu nhập của lao động bị thu hồi đất

2.3.1. Các nhân tố thuộc về chủ thể

Trình độ văn hoá và chuyên môn

Trình độ văn hoá và chuyên môn của lao động là chỉ tiêu đánh giá chất lượng lao động, là điều kiện quan trọng để người lao động có thể tìm kiếm việc làm ổn định, có thu nhập cao.

Trình độ văn hoá của lao động trong giai đoạn điều tra đã được cải thiện. Tỷ lệ lao động có trình độ phổ thông trung học (cấp 2) giảm xuống từ 50,09% xuống 48,56%; số lao động có trình độ trung học phổ thông (cấp 3) tăng từ 26,11% đến 27,64%. Tuy nhiên, số lao động có trình độ văn hoá từ trung học cơ sở (cấp 2) trở xuống vẫn còn chiếm tỷ lệ cao (72,4%), trong đó tiểu học chiếm 23,8%.

Trình độ chuyên môn- kỹ thuật của những lao động điều tra mặc dù có được cải thiện nhưng vẫn còn khá thấp. Tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo là 74,28%; sơ cấp và học nghề 6,72%; trình độ đại học, cao đẳng và trung cấp chỉ có 18%. So với mặt bằng chung của các tỉnh, thành trong cả nước thì

trình độ văn hóa, chuyên môn của những lao động bị thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đồng Hới là thấp. Điều này có ảnh hưởng lớn đến cơ hội tự tìm kiếm việc làm, việc làm ổn định và có thu nhập cao.

Khả năng về vốn

Vốn là một trong những nguồn lực quan trọng giúp người lao động tự tạo việc làm thông qua việc sử dụng vốn cho đầu tư để mở rộng sản xuất, kinh doanh trên nền tảng ngành nghề hiện có, hoặc mở nghề mới; đầu tư cho học nghề mới hoặc tìm kiếm việc làm.

Như đã phân tích ở phần trước, phần lớn các hộ gia đình bị thu hồi đất nằm ở vùng ven thành phố, thu nhập dựa chủ yếu vào sản xuất nông nghiệp. Vì thế, khả năng tài chính của họ là rất hạn chế. Để tìm kiếm việc làm mới họ phải trông chờ vào số tiền đền bù từ việc thu hồi đất hoặc vay vốn của các tổ chức tín dụng trên địa bàn. Kết quả phỏng vấn các hộ bị thu hồi đất cho thấy, 75% số hộ gia đình phải vay vốn của ngân hàng và các quỹ tín dụng trên địa bàn để đầu tư cho sản xuất và tìm kiếm việc làm mới. Tuy nhiên, việc vay vốn gặp nhiều khó khăn do các vấn đề liên quan đến tài sản thế chấp. Bản thân họ cũng không muốn vay nợ nhiều bởi lãi suất vay vốn quá cao so với khả năng trả nợ của họ.

Nguồn vốn chính mà các hộ trông chờ là tiền đền bù đất. Tuy nhiên, số tiền đền bù mà họ nhận được vừa thấp và chậm. Bình quân 1 m² đất được đền bù từ 14.000 đồng đến 25.000 đồng; trong khi giá thị trường bình quân từ 20.000 đồng đến 33.000 đồng, tùy thuộc vào từng loại đất. Nguyên nhân chủ yếu là do công tác tổ chức đền bù chưa công khai, minh bạch; giá đền bù thấp hơn nhiều so với giá thị trường; thời gian đền bù chậm. Những vấn đề trên đã hạn chế phần nào đến khả năng tìm kiếm việc làm mới của người lao động.

2.3.2. Các nhân tố bên ngoài

- Chính sách đào tạo nghề và hỗ trợ giải quyết việc làm:

Theo quy định, sau khi thu hồi đất, các địa phương, các chủ dự án sẽ giúp đỡ người dân trong việc đào tạo nghề, hỗ trợ nghề nghiệp và hỗ trợ giải quyết việc làm. Tuy nhiên, thực tế công tác đào tạo, hỗ trợ nghề nghiệp và hỗ trợ giải quyết việc làm có nhiều vấn đề cần phải quan tâm.

Công tác đào tạo nghề chưa xuất phát từ nhu cầu của người lao động mà xuất phát từ thế mạnh của địa phương. Vì thế các ngành nghề đào tạo không phong phú, chủ yếu là mở các lớp sửa chữa xe máy,

điện lạnh, may... Đối với các lớp tập huấn ngắn ngày cho nông dân chủ yếu tập trung vào hướng dẫn kỹ thuật sản xuất chăn nuôi, trồng rừng... Đối với các xã vùng ven thành phố, những lớp đào tạo như vậy không thật sự có hiệu quả. Phương pháp đào tạo nặng về truyền đạt lý thuyết, ít có thực hành. Vì vậy, sau khi tốt nghiệp các khóa đào tạo, khả năng tự tạo việc làm của người học rất hạn chế.

Ngoài việc mở các khóa đào tạo để giúp người lao động tìm kiếm việc làm, chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm thông qua xuất khẩu lao động có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Hiện nay, trên địa bàn thành phố Đồng Hới có 4 tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép xuất khẩu lao động ra nước ngoài. Theo số liệu thống kê năm 2010 của phòng Lao động-Thương binh và xã hội thành phố, các đơn vị trên đã tổ chức cho 250 người ra nước ngoài làm việc. Đây là một con số hết sức khiêm tốn so với nhu cầu việc làm của người lao động. Tìm hiểu thực tế, chúng tôi thấy có 2 nguyên nhân chính. Đó là sự hạn chế về khả năng ngoại ngữ của người lao động và chi phí làm các thủ tục xuất khẩu cao.

- Tình hình phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ:

Sự phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn có vai trò quan trọng trong việc thu hút lao động trên địa bàn. Theo số liệu thống kê, từ 2007 đến 2011, số lượng các doanh nghiệp vừa và nhỏ tăng nhanh chóng từ 9.328 lên 10.733 doanh nghiệp, thu hút được 17.403 người lao động vào làm việc. Tuy nhiên, việc phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng như vấn đề tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trong thời gian qua bộc lộ một số vấn đề:

Trình độ tay nghề của lao động chưa đáp ứng yêu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp. Vì thế, nhiều doanh nghiệp sau khi tuyển dụng xong lại phải đào tạo mới số lao động trên làm tăng chi phí cho doanh nghiệp. Một số doanh nghiệp phải tuyển dụng lao động ở các địa phương khác.

Nhu cầu hàng hóa trên địa bàn Thành phố hạn chế, trong khi khả năng xuất khẩu không nhiều. Điều này ảnh hưởng đến khả năng thu hút lao động của các doanh nghiệp.

- Tiến độ thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng

Tiến độ thực hiện các dự án có ảnh hưởng đến khả năng tìm kiếm việc làm của người dân địa phương. Nếu các dự án đã được phê duyệt đầu tư xây dựng nhưng tiến độ không đảm bảo, hiện tượng

dự án treo xảy ra thì người lao động sẽ ít có cơ hội để tìm kiếm được việc làm. Thực tế trên địa bàn thành phố, một số dự án trên địa bàn đã được quy hoạch nhưng không thực hiện, như dự án khu công nghiệp Tây Bắc, chợ Đức Ninh. Các dự án có thời gian thi công dài như: Trung tâm Thương mại dân cư, đường 36m. Tình trạng này đã gây ra rất nhiều khó khăn cho người dân vì đất đã giao nhưng không thực hiện, tiến độ thực hiện chậm thì quá trình đô thị hóa chậm làm mất cơ hội việc làm, người dân bị thu hồi đất, tiền đền bù không được thực hiện hoặc thực hiện chậm trễ so với kế hoạch.

3. Các giải pháp tạo việc làm cho lao động nông thôn sau thu hồi đất ở thành phố Đồng Hới

Từ những phân tích ở trên, nhóm tác giả xin đề xuất một số giải pháp nhằm tạo việc làm cho lao động nông thôn sau thu hồi đất:

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố theo hướng du lịch, dịch vụ- công nghiệp- nông nghiệp; Đẩy mạnh phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học- công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, tạo ra những sản phẩm có hàm lượng chất xám cao; giá trị kinh tế cao. Phát triển mạnh ngành nghề thủ công nghiệp, dịch vụ trong nông thôn, khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, nhất là các dự án phát triển đô thị và các khu công nghiệp nhằm tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân.

Công tác đào tạo nghề cho lao động cần phải được cải tiến theo hướng đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp. UBND xã phường, thành phố cần chủ động liên kết với các trung tâm dạy nghề nhằm tăng cường công tác tư vấn, hướng nghiệp, dạy nghề nhất là đối với đối tượng thanh niên ở độ tuổi từ 15 đến 25 nhằm chuẩn bị cho họ các điều kiện về tay nghề để chuyển đổi ngành nghề. Thực hiện việc đào tạo lại đối với những lao động tuổi cao nhưng vẫn có khả năng chuyển đổi ngành nghề. Tùy độ tuổi và

Tài liệu tham khảo:

1. TS. Dương Đình Giám: “Giải quyết việc làm cho lao động bị thu hồi đất cho các dự án phát triển công nghiệp”, Tạp chí công nghiệp, số ra ngày (24 - 5 – 2011).
2. GS. TSKH Lê Du Phong (2007) “Thu nhập, đời sống việc làm của người có đất bị thu hồi để xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các công trình công cộng phục vụ lợi ích quốc gia”; NXB Chính trị quốc gia Hà Nội.
3. TS. Nguyễn Hữu Dũng (2005) “Thực trạng thu nhập, đời sống và việc làm của người có đất bị thu hồi” – Chuyên đề nghiên cứu.
4. Niên giám Thống kê thành phố Đồng Hới 2007, 2008, 2009, 2010, 2011.
5. Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình 2007, 2011.

giới tính mà xác định các ngành nghề và loại hình đào tạo và hình thức đào tạo cho phù hợp. Đảm bảo sau khi được đào tạo, người lao động có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm.

Đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động (trong nước và ngoài nước) thông qua việc tuyên truyền rộng rãi các thông tin về kế hoạch xuất khẩu lao động, điều kiện cần có của người lao động để người dân nắm vững và có hướng chuẩn bị. Đồng thời các trung tâm xuất khẩu lao động cũng cần tăng cường công tác đào tạo (ngoại ngữ, chuyên môn...) cho người lao động. Cần phải mở rộng và phát triển thị trường lao động ngoài nước theo hướng ổn định và giữ vững các thị trường hiện có; mở rộng thị trường nhận lao động Việt Nam sang các khu vực, các nước phù hợp với trình độ, kỹ năng nghề của lao động Việt Nam; gia tăng số lượng và chất lượng lao động xuất khẩu. Tổ chức tốt công tác đào tạo nghề, giáo dục, định hướng cho lao động xuất khẩu. Xây dựng các doanh nghiệp xuất khẩu lao động đủ mạnh, có năng lực cạnh tranh nhằm khai thác và thâm nhập các thị trường nhận lao động. Chú trọng công tác phát triển thị trường lao động tại địa phương, tạo điều kiện để lao động di chuyển, tìm việc làm ở các khu công nghiệp, đô thị trong nước.

Hỗ trợ cho người lao động vay vốn thông qua chương trình 120 của chính phủ nhằm giúp cho họ có điều kiện để đầu tư cho sản xuất hoặc tìm kiếm việc làm mới.

Như vậy, quá trình thu hồi đất để phục vụ cho quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa ở thành phố Đồng Hới đã có những tác động nhất định đến việc làm và thu nhập của lao động nông thôn: tỷ lệ thất nghiệp tăng; thu nhập của lao động nông nghiệp bị giảm; xu hướng chuyển dịch lao động từ thuần nông sang ngành nghề dịch vụ tăng lên. Vì thế, để hạn chế tác động của quá trình thu hồi đất đối với vấn đề việc làm của người lao động, các cấp chính quyền của thành phố cần quan tâm thực hiện tốt 4 nhóm giải pháp mà nhóm tác giả đề cập ở trên. □